TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HD** **TỈNH BL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/3/2023
(V/v Tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HD - TỈNH BL
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trương Hồng Diễm**
Hội thẩm nhân dân: **Ông Danh On**
Ông Lại Thiện Phong
Thư ký phiên tòa: **Bà Thái Kim Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa: **Bà Lê Huyền Mao**, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 238/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 về việc "Tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Thị Kim D, sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp TK, xã NH, huyện HD, tỉnh BL

Bị đơn: Anh Danh Đ, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp TK, xã NH, huyện HD, tỉnh BL

(Chị D có đơn xin vắng mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do)

NỘI D VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2022, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Thị Kim D và anh Danh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Kim D và anh Danh Đ cùng thống nhất xác định vợ chồng đi đến hôn nhân do quen biết, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện HD, tỉnh BLvào ngày 18/9/2015 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị D trình bày: do trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau, từ đó dẫn đến đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm nhưng trong khoảng thời gian sống xa nhau không ai quan tâm ai. Nay chị D nhận

thấy vợ chồng không còn khả năng tiếp tục chung sống nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Danh Đ.

Nguyên nhân ly hôn theo anh Đ trình bày: trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng để dẫn đến việc ly hôn, anh không biết lý do gì chị D lại có yêu cầu ly hôn với anh, mặc dù anh đã nhiều lần muốn nói chuyện với chị D để nói rõ sự việc nhưng chị D không muốn nói chuyện với anh, hiện anh và chị D vẫn làm chung chỗ với nhau nhưng không nói chuyện với nhau. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì tôi còn thương vợ, anh muốn vợ chồng về chung sống để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Chị Thị Kim D và anh Danh Đ cùng thống nhất xác định vợ chồng chung sống có với nhau 02 người con chung tên nhau 02 người con chung tên Thị Ngọc B, sinh ngày 12/8/2015 và Danh Nhựt T, sinh ngày 30/5/2017. Hiện cháu B và cháu T đang sống chung với anh Đ. Khi ly hôn chị D đồng ý tiếp tục giao cháu B và cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi các con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thị Kim D và anh Danh Đ thống nhất xác định không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị Kim D và anh Danh Đ thống nhất xác định không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Danh Đ chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội D vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh Đ.

Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao 02 người con chung tên Thị Ngọc B, sinh ngày 12/8/2015 và Danh Nhựt T, sinh ngày 30/5/2017 cho anh Danh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Thị Kim D được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do Chị Thị Kim D và anh Danh Đ không đặt ra yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Do Chị Thị Kim D và anh Danh Đ không đặt ra yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thị Kim D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị D có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con với anh Đ. Anh Đ có địa chỉ cư trú tại huyện HD. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện HD.

Chị Thị Kim D có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Thị Kim D.

Anh Danh Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Danh Đ.

[2] Về nội D vụ án: Chị D và anh Đ chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện. Quá trình chung sống chị D và anh Đ có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện HD, tỉnh BLvào ngày 18/9/2015 và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của chị D và anh Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh Đ thì Hội đồng đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống chị D và anh Đ lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mẫu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Hiện chị D và anh Đ sống ly thân với nhau hơn 01 năm. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian sống xa nhau nhưng không có sự quan tâm nhau, anh Đ có nguyện vọng được đoàn tụ. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị D yêu cầu ly hôn và đến tại phiên tòa hôm nay, anh Đ không có thiện chí đến Tòa án để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng và tìm biện pháp nào khác để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị D vẫn giữ nguyên quan điểm kiên quyết xin ly hôn với anh Đ và xác định nếu Tòa án giải quyết không cho chị được ly hôn với anh Đ thì chị cũng không trở về chung sống với anh Đ, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị D và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh Đ để mỗi người có cuộc sống mới tốt hơn là phù hợp.

Về con chung: Xét thấy, từ lúc vợ chồng chị D và anh Đ sống ly thân với nhau, anh Đ là người trực tiếp nuôi các con chung, anh Đ vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con cũng như sự phát triển của các con sau này, cháu Thị Ngọc B có nguyện vọng được sống chung với anh Đ và để tránh làm xáo trộn cuộc sống của các con. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giao các con cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Chị Thị Kim D được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do Chị Thị Kim D và anh Danh Đ không đặt ra yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Do Chị Thị Kim D và anh Danh Đ không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Thị Kim D đối với anh Danh Đ; Xử cho chị Thị Kim D được ly hôn với anh Danh Đ.

2/.Về nuôi con chung: tiếp tục giao 02 người con chung tên Thị Ngọc B, sinh ngày 12/8/2015 và Danh Nhựt T, sinh ngày 30/5/2017 cho anh Danh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Thị Kim D được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con: Do Chị Thị Kim D và anh Danh Đ không đặt ra yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Do Chị Thị Kim D và anh Danh Đ không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: Chị Thị Kim D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006452 ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Thị Kim D và anh Danh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện HD;
- Chi cục THADS huyện HD;
- UBND xã NH;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Trương Hồng Diễm